

# DIỄN XUỐNG LỰỌN SLƯƠNG CỦA NGƯỜI TÀY Ở XÃ YÊN CƯ HUYỆN CHỢ MỚI TỈNH BẮC KẠN

LÊ THỊ PHƯƠNG THẢO

## Tóm tắt

*Hát lượn là một loại hình dân ca sinh hoạt rất phổ biến trong đời sống văn hóa của người Tày. Hát lượn có những hình thức diễn xuống khác nhau. Người Tày ở xã Yên Cư, huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn có lượn Slương. Nội dung chủ yếu của lượn Slương có hát tự do và hát theo lễ hội (thể thức). Theo thể thức, lượn Slương có nhiều thể và được hát theo nhiều chặng. Giá trị văn hóa của lượn Slương cần được bảo tồn và phát huy.*

## 1. Khái niệm hát lượn và hát lượn Slương

Lượn là một loại hình dân ca độc đáo của dân tộc Tày, nhưng đến nay vẫn chưa có được một định nghĩa rõ ràng. Tuy nhiên, qua các công trình nghiên cứu của một số người đi trước, chúng tôi tập hợp được những ý kiến sau:

Nhạc sĩ Đỗ Minh, nhà nghiên cứu âm nhạc dân gian, giải thích: Gọi “Lượn Slương” vì nó là “tiếng hát của tình thương”. Nhà nghiên cứu văn học dân gian Vi Hồng viết: “...Slương nghĩa là thương”. Nhà dân tộc học Lã Văn Lô nhận định: Slương là hát để “bày tỏ tâm tình của mình đối với người yêu...”. Nhà dân tộc học Nguyễn Nam Tiến phân tích: “...gọi là Slương vì trong rất nhiều bài lượn, đặc biệt là những câu đầu thường hay có từ Slương” thí dụ :

*Thật cảm Slương đỏi bạn tương tri*

*(Có lời với bạn tương tri)*

Về “lượn Slương” nhân dân Tày còn có một tên gọi khác nữa là “lượn Lạng” vì rất phổ biến ở vùng Lạng Sơn.

Trong cuốn “Sli Lượn, dân ca trữ tình Tày Nùng”, Vi Hồng đã đưa ra nhận xét về nguồn gốc và ngữ nghĩa của từ “Lượn”. Tác giả đưa ra nhiều ý kiến giải thích

khác nhau, nhưng đáng chú ý là ý kiến của cụ Nông Văn Mô ở huyện Hòa An tỉnh Cao Bằng. Theo cụ Mô thì “lượn” hay “vén” cùng có một nghĩa - xưa kia người Tày vẫn nói “lượn lục” hay “vén lục” đều có nghĩa là “ru con”.

Lượn thường được hiểu theo hai nghĩa hẹp và rộng khác nhau. Theo nghĩa rộng, lượn chỉ toàn bộ kho tàng dân ca người Tày, bao gồm cả then (lượn then), hát đám cưới (lượn quan làng), phúc pác (lượn phúc pác) và phong slư (lượn phong slư).

Theo nghĩa hẹp, lượn chỉ những điệu hát giao duyên của người Tày. Cả hai cách hiểu đều có lý, song có lẽ phổ biến hơn cả là cách gọi tên lượn theo nghĩa hẹp, tức là bộ phận hát đối đáp giao duyên của người Tày. Theo cách hiểu này, lượn gồm 3 loại: lượn Cọi, lượn Sluong và lượn Nàng Hai. Nếu như lượn Cọi và lượn Nàng Hai có địa bàn chính ở phía Tây vùng Việt Bắc thì lượn Sluong lưu hành ở địa bàn Lạng Sơn là chính. Khác với lượn Cọi là loại lượn sử dụng vần lưng để kéo dài khổ thơ, lượn Sluong chỉ dùng loại thất ngôn tứ tuyệt. Vào cuộc lượn Sluong, sau những bài hát mời của chủ bản, chỉ có một đôi trai gái hát đối đáp với nhau, các bài hát được hát lên đều do nhớ nhập tâm hoặc ứng khẩu chứ không phải có thầy dẫn như lượn Cọi.

Như vậy, *lượn Sluong là những bài hát giao duyên lưu hành ở một vài địa phương nhất định, mang đặc điểm riêng về thể thơ và lối hát.*

Hát lượn Sluong có nhiều làn điệu, thường là thể thơ thất ngôn, song cũng có khi là thơ tự do. Mỗi người cần phải có một “vốn” lượn lớn để sẵn sàng ứng xử một cách “thông dòng bén giọt” mới mong chiếm được cảm tình người mình muốn làm quen. Nếu lúng túng không đối đáp được bằng câu hát, sẽ bị chê là ít hiểu biết, vụng về.

Trong một buổi hát lượn, không thể thiếu phần "sluong", tức là hát để bày tỏ tâm tình của mình đối với người yêu. Thật ra, không phải lúc nào cứ lượn hát với nhau là có thể yêu, tiến tới xây dựng gia đình. Tuy nhiên phải công nhận rằng đó là những tiếng hát tâm tình, là khúc nhạc lòng của thanh niên nam nữ trong lứa tuổi đầy hứa hẹn và khao khát yêu đương. Cho nên, không có gì đáng ngạc nhiên, phần này hoàn toàn là những bài về tình yêu nam nữ, thể hiện lòng mong muốn được yêu đương, mong có được mối tình chung thủy. Biết bao nhiêu lời nguyện ước, thề thốt, thiết tha, tràn ngập lòng tin và hy vọng được hát lên với tất cả tâm hồn say đắm của tuổi trẻ.

Hát lượn Sluong trong tình yêu giúp người Tày bộc bạch niềm tâm sự sâu kín. Nếu nói thẳng với nhau e rằng khó hơn là dùng câu “lượn” để giải bày. Tuy nó vẫn hoa thật, nhưng cốt lõi vẫn hướng về cái mình muốn nói. Buổi đầu dùng “lượn” rất

để làm quen, đã yêu nhau rồi dùng “lượn” càng dễ dàng bày tỏ. Có những cuộc tình, từ khi quen đến khi cưới, mỗi chàng trai, cô gái phải hát tới cả ngàn câu. Không ai có thể thuộc sẵn cả ngàn câu nhưng lúc hát phải sáng tạo ra. Sáng tạo hay thì được người yêu yêu nhiều hơn vì “anh là người có học cao, hiểu rộng, thông minh...”, vì lẽ đó mà hát lượn Sluong rất phong phú. Thế nhưng ở Yên Cư, Chợ Mới- Bắc Kạn, các bài hát lượn Sluong hầu như không được ghi chép lại nên đã bị mai một dần.

## ***2. Các thể thức hát lượn Sluong***

Lượn Sluong thường được hát giữa một nam và một nữ hoặc giữa một tập nam, một tập nữ ngồi đối diện nhau trên những chiếc mảnh tre, tấm cót đã được rải trước đó. Xung quanh có nhiều người ở mọi lứa tuổi cùng nghe và góp vui (bình luận, nhắc nhở, tán thưởng). Thời gian một cuộc lượn đầy đủ bắt đầu từ đêm hôm trước đến gần buổi sáng hôm sau. Tùy theo nội dung, người Tày phân chia lượn Sluong thành nhiều thể. Khái niệm thể cũng co dãn, chưa thật nhất quán.

- Các thể hát lượn Sluong:

Lượn Sluong thường được tổ chức vào ngày hội lồng tông (xuống đồng) của mùa xuân, hay vào những đêm trăng sáng trong dịp nông nhàn. Theo những tài liệu sưu tầm được, sơ bộ có thể chia lượn Sluong thành 3 nhóm: lượn đi đường, lượn sử và lượn chúc mừng. Trong đó phần lượn chúc mừng không phải là hát giao duyên, chỉ là lời cảm tạ của người lượn với gia chủ nên có tính chất gắn kết khá lỏng lẻo với cuộc lượn. Phần lượn sử với một thời gian khá lớn dành cho việc lượn về các truyện cổ dân gian của người Tày và các tích truyện có nguồn gốc Trung Quốc, thể hiện chiều sâu của cuộc lượn Sluong khi tình cảm của người Tày đã hết sức sâu nặng. Nhưng chính vì tính chất và nội dung của nó, lượn sử không có sức hút mạnh đối với người nghe. Còn phần lượn đi đường là phần chứa đựng nhiều tình huống bất ngờ nhất. Về mặt hình thức, đó là phút ban đầu thăm dò, tìm hiểu, làm quen, dò hờn, trách móc. Về mặt nội dung, tình cảm được diễn tả từ nỗi nhớ thương kín đáo, e ấp đến sâu sắc, mạnh bạo. Phần này được người nghe rất yêu thích và đây chính là phần trọng tâm của cuộc lượn Sluong. Không có một cuộc lượn Sluong nào thiếu phần này dù cho hai phần kia có thể không được lượn đến.

Trong lễ hội lồng tông, người Tày thường hát lượn Sluong với 5 bài, gồm: Lượn cầu mùa, Mời xiên lý và lượn chúc chôm, Xiên lý lượn chúc lễ hội lồng tông, Mời rượu, Xiên lý hay chúa bản lượn tiễn vua về đền.

Trong các cuộc hát giao duyên khác, người Tày chia lượn Sluong thành 10 thể:

+ Thể lượn mời: Người chúa bản (chủ bản) hát những khúc hát để mời người xiên lý (khách) lượn với mình.

+ Thể lượn khan: Người xiên lý hát những khúc hát đố và hỏi để người chủ bản trả lời.

+ Thể lượn chập: Tức là lượn gập, người xiên lý hát chính còn người chủ bản hát ngân theo.

+ Thể lượn chào: Người chủ bản và xiên lý hát chào nhau.

+ Thể lượn khuyên: Hát khuyên nhau để lượn lâu dài với nhau.

+ Thể lượn chúc chòm: Người xiên lý hát chúc mừng người chủ bản.

+ Thể dạ: Hát một kiểu khác không giống với các thể khác, hát hai câu một.

+ Thể kiết: xiên lý hát trước nêu lên hoàn cảnh lượn như thế nào cho vừa lòng người chủ bản, sau đó hai bên cam kết lượn với nhau lâu dài.

+ Thể lượn tuồng: mang tính kể chuyện hoặc miêu tả thời tiết, thiên nhiên, lao động sản xuất

+ Thể lượn nhắn nhau: xiên lý và chủ bản sẽ hát những khúc hát nhắn nhau và hẹn gặp lại nhau.

- Các chặng hát lượn Sluong

Tiến trình của hình thức giao duyên trong lượn Sluong gồm 3 chặng chính:

+ Chặng thứ 1: Nhằm mục đích mời (nài), chúc mừng, chào nhau:

Trước khi “lượn nài”, (mời nhau hát), thanh niên trong bản cất tiếng hát xin phép chủ nhà mặc dù chủ nhà đã đồng ý từ trước, thậm chí còn mong muốn tổ chức “lượn”:

*Thật cảm tê xam cạ chủ rườn* (Cất tiếng xin thưa với chủ nhà

*Khách lạ mà nấy tỵ viện phương* Có phải đến đây khách từ xa

*Slậy tử xo trình sle lầy hỉn* Sĩ tử xin trình, mong hội ngộ

*Xả cạ khách lạ, slậy xo sluong* Sĩ tử xin chào đượ vui xuân).

Sau đó mới cất tiếng lượn “nài” (mời) khách:

*Ở bài khai khẩu ước chào xuân* (Mở bài khai khẩu ước chào xuân

*Tiếng cạ duyên phần mì hải ân* Đồn rằng chốn ấy đầy hải ân

*Tiếng cạ duyên cần mì duyên sắc      Đồn rằng chốn ấy đầy duyên sắc*

*Slây tử xo chào, lín slắc xuân.      Sĩ tử xin chào đợc vui xuân).*

Để thành cặp lượn với nhau, người đợc “lượn nài” phải lượn đăp lại để cảm ơn và để thành cặp lượn giao duyên (cốc lượn).

Sau khi đã thành cặp lượn rồi thì bên “xiên lý” (khách) chủ đợng hát thể lượn khan, thể này mang tính đố, hỏi cho người “chủ bản” (chủ nhà) trả lời, giải đăp.

Sau khi hát vài khổ rồi, người xiên lý trong cặp này phải hát theo quy trình tuần tự (lượn lễ) hết các thể sau:

Chập căn (gặp nhau):

*Giáp ăt lai hê từ cở truyên      (Giáp ăt chu kỳ thời gian xưa*

*Tình cờ pây lín chập đào thiên      Tình cờ đi chơi gặp cùng cảnh*

*Ngộ nhị tình cờ chăng đăy chập      Mỗi lần tình cờ may đợc gặp*

*Khéo chập tỳ nấy đở ca điên      May gặp chốn này chốn đở dang)*

Chào căn (chào nhau):

*Phong phanh lồm thoáng đông lao sao      (Vèo vèo gió thổi đợng lao sao*

*Bjóc phong thì xuân tiết hộn hào      Hoa nở mùa xuân tiết hộn hào*

*Thế thự nhân tình long ao ước      Tư tưởng nhân tình lòng ao ước*

*Hộp mặt cùng căn rà tạm chào.      Hộp mặt cùng nhau ta tạm chào).*

Khuyên căn (khuyên nhau):

*Túc quý lưu dài cảnh liểu tiên      (Trúc quý lưu dài cảnh liểu tiên*

*Chập chào te đọap già khảm khuyên      Gặp chào đã rồi lượn tới khuyên*

*Cầm ví cửu tuyền sle mại mại      Câu ví chín đời để mãi mãi*

*Chắc cạ cầm hây chập ý tuyền.      Biết lượn lời nào gặp ý nên).*

+ Chặng thứ 2: Là phần ứng tác tại chỗ nhằm bày tỏ, trao đổi tình cảm với nhau bằng hình ảnh cỏ cây hoa lá, so sánh ví von. Đây là chặng tiếp đãi, thi thố, tâm tình, ước nguyện yêu đương. Chặng này dài nhất, chiếm hầu hết phần thời gian của một đêm “lượn”. Tùy theo trình độ của đôi bên nam nữ mà có thể kéo dài từ một đến vài đêm...

Người xiên lý hát thể “lượn dạ” rồi thể “chúc chòm”- chúc mừng. Nếu hát tại một gia đình thì hát bài “chúc chòm rườn” để cảm ơn, chúc mừng gia đình đó. Sau thể “chúc chòm”, người xiên lý hát sang thể “lượn kiết” để tỏ ý hai người cùng cam kết hát lượn hết mình với nhau lâu dài. Bằng lối hát liền khúc, các khổ “lượn kiết” chủ yếu do người chủ bản tìm chọn hoặc sáng tác để hát đối lại với các khổ thơ mà xiên lý đã lượn trước.

Sau thể “lượn kiết”, cặp lượn chuyển sang hát thể “lượn tuồng” - thể lượn mang tính kể chuyện hoặc miêu tả thời tiết, thiên nhiên, lao động sản xuất. Khi hát tới thể “lượn tuồng”, người ta chọn những bài ưa thích và hát liền khúc (nối tiếp nhau), mỗi người hát một khổ thơ, hát hết bài thì chuyển sang bài khác.

Ở chặng này, nội dung của bài lượn không phải là đối đáp mà là luân phiên nam nữ nối tiếp nhau hát từng đoạn trong cùng một bài. Bên nào vì quên không hát nối tiếp được đúng, bị coi như thua cuộc.

+ Chặng thứ 3: Nội dung chủ yếu là giã từ, nhắn nhủ và hẹn hò, nói lên tình cảm quyến luyến giữa đôi bên và hò hẹn gặp nhau trong cuộc hát lượn năm tới.

Bên “xiên lý” và “chủ bản” hát những khúc hát chào nhau. Mặc dù chỉ có lời chào thôi nhưng ở trong lượn Sluong, lại rất quan trọng. Đôi bên phải chọn lời hát thật hay, thật tình cảm cho lời chào của mình.

*Chào nhau chào cho đúng*

*Về nhà rồi đừng áy náy thương duyên*

*Chào nhau chào thật lâu*

*Về nhà khỏi mong theo với bạn nào*

*Chào nhau nhớ lời chào mãi*

*Lời chào để theo nhớ mọi ngày.*

### **3. Các giai đoạn phát triển của diễn xướng hát lượn Sluong**

Trong tiến trình lịch sử, lượn Sluong được phát triển qua hai giai đoạn chính: Giai đoạn nguyên sơ và giai đoạn có thể thức, lễ lới.

- Giai đoạn nguyên sơ:

Những câu hát, cặp hát (đôi đáp) lẻ tẻ diễn ra trong một khoảnh khắc, một thời gian nhất định. Đó là những câu, những bài hát không được chuẩn bị trước, không có nghi thức tổ chức. Họ hát vào những dịp đêm trăng ở bản làng, trong lúc lao động, trong sinh hoạt thường ngày. Chính bản thân những người hát đã góp phần vào việc sáng tạo vốn dân ca. Ở đây hoạt động nghệ thuật vui chơi giải trí và môi trường lao động gắn chặt với nhau. Đây là dạng thức nguyên hợp, cũng tồn tại khá phổ biến ở các thể loại dân ca của các tộc người thiểu số khác. Hiện nay ở Yên Cư, hình thức hát này về cơ bản đã không còn, có chăng chỉ ở những cuộc lượn trong ngày tết, đám cưới, vào nhà mới nhưng cũng không phổ biến.

- Giai đoạn diễn xướng có thể thức lễ lới:

Hình thức này dần dần tách rời khỏi thực tiễn công việc hàng ngày, song không vì vậy mà nó tách khỏi cuộc sống, môi trường lao động. Trong giai đoạn này công tác chuẩn bị, cách thức diễn xướng đều có bài bản thứ tự trước sau. Tuy nhiên vẫn còn hiện tượng ứng tác. Trong ngày lễ hội, khách thường nghỉ lại bản làng. Một tốp thanh niên của bản kéo đến nhà có khách trọ, hát những lời lượn nài mời khách tham gia cuộc lượn. Khách có lời hát lại (lượn khan). Cuộc lượn ứng tác giữa đám thanh niên chủ bản và tốp khách được bắt đầu. Đây là một hình thức tái tạo có ý thức không rập khuôn theo những chuẩn mực của lễ lới. Do vậy trong hát lượn của người Tày, lượn Sluong là phong phú nhất, có nhiều dị bản khác nhau và cuốn hút người nghe nhiều nhất.

\*

\*        \*

Tóm lại, lượn Sluong là một bộ phận quan trọng trong kho tàng văn học nghệ thuật dân gian của người Tày. Không những thế nó còn là nét đẹp văn hóa tiêu biểu của dân tộc Tày. Lượn Sluong là loại dân ca ở trình độ phát triển khá cao, được hát theo lễ lới, bài bản trong diễn xướng. Lượn Sluong là một di sản văn hóa quý giá của dân tộc Tày và của Việt Nam, cần được bảo tồn và phát huy trong cuộc sống đương đại.

L.T.P.T

Tài liệu tham khảo

1. Vi Hồng, *Vài suy nghĩ về hát Quan lang, Phong Slu, Lượn*, Tạp chí văn học số 3, 1976.
2. Vi Hồng, *Sli lượn dân ca trữ tình Tày - Nùng*, Nxb Văn hoá dân tộc, Hà Nội, 1979.
3. Cung Khắc Lược, Lê Bích Ngân, *Lượn cọi Tày - Nùng*, Nxb Văn hoá dân tộc, Hà Nội, 1987.
4. Hoàng Văn Páo, Suu tầm, biên dịch, giới thiệu, *Lượn Tày Lạng Sơn*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội, 2003.
5. Nguyễn Nam Tiến, *Về lượn của người Tày*, Tạp chí dân tộc học, số 1, 1976.
6. Ma Văn Vịnh, *Lượn Thương lễ hội lòng tông di sản văn hóa*, chưa xuất bản.